

Số: 08/2026/QĐCNTTLH

Ninh Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Phạm Thị Huyền T và anh Trần Văn S.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2025 về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Phạm Thị Huyền T.

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 12 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 06/3/1990; căn cước công dân số: 0371900045xx cấp ngày 16/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Xóm E, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Người bị kiện: Anh Trần Văn S, sinh ngày 18/11/1985; căn cước số: 0370850012xx cấp ngày 24/11/2025 tại Bộ C1.

Địa chỉ: Xóm E, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải, được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành ngày 31/12/2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31/12/2025 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Huyền T và anh Trần Văn S.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Trần Văn S đều thống nhất, vợ chồng **Cã** hai người con chung. Nay ly hôn chị T và anh S thỏa thuận: giao cháu Trần Phạm Ngọc S1, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2011 và cháu Trần Phương C, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2019 cho chị Phạm Thị Huyền T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu thành niên.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Trần Văn S thỏa thuận anh Trần Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Phạm Ngọc S1 và cháu Trần Phương C cho chị Phạm Thị Huyền T hàng tháng với mức 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho mỗi cháu mỗi tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2026 cho đến khi các cháu thành niên.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Huyền T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh Trần Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Trần Văn S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật và thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã K.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung